

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐỒN
TỈNH QUẢNG BÌNH

Bản án số: 56/2024/HS-ST

Ngày 26 - 12 - 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tường Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thanh Dương

Bà Trần Thị Ngọc Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kiều Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoài Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 44/2024/TLST-HS ngày 20 tháng 11 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2024/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 12 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thành L; giới tính: nam; tên gọi khác: Nậy; sinh ngày 19 tháng 9 năm 1986 tại huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

Nơi cư trú: Thôn 4 Thiết Sơn, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: lớp 03/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Nguyễn Văn H, sinh năm 1959 và bà Lê Thị M, sinh năm 1960; vợ: Cao Thị Đ, sinh năm 1979 và 01 con, sinh năm 2018; về nhân thân: Năm 2004, bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Trị xử phạt 06 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”; năm 2005 bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xử phạt 08 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”; năm 2008, bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xử phạt 09 năm tù, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; năm 2019 bị Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Bình xử phạt 09 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 05/9/2020, chấp hành xong hình phạt và trở về sinh sống tại địa phương cho đến ngày gây án; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã B, tỉnh Quảng Bình kể từ ngày 07/8/2024 cho đến nay. Theo lệnh trích xuất bị cáo có mặt tại phiên tòa

2. Nguyễn Văn T; giới tính: nam; tên gọi khác: không; sinh ngày 08 tháng 9 năm 1986 tại huyện K, tỉnh Hưng Yên;

Nơi cư trú: Khu phố 5, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: thợ sửa chữa điện thoại di động; con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1958 và bà Đỗ Thị H, sinh năm 1962 (đã chết); có vợ: Vũ Thị C, sinh năm 1994 và 03 con (con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2021); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” kể từ ngày 15/10/2024 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa

Bị hại:

- Bà Trần Thị Hồng M, sinh năm 1970; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

- Bà Phan Thị N, sinh năm 1945; nơi cư trú: Thôn 4, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

- Ông Hoàng Trọng M, sinh năm 1973; nơi cư trú: Thôn P, xã L, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

- Ông Phạm Ngọc T, sinh năm 1946; nơi cư trú: Thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

- Chị Vũ Thị C, sinh năm 1994; nơi cư trú: Khu phố 5, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

- Ông Nguyễn Danh H, sinh năm 1992; nơi cư trú: Khu phố 6, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

- Bà Cao Thị Đ, sinh năm 1979; nơi cư trú: Thôn 4 Thiết Sơn, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

- Ông Trần Trọng N, sinh năm 1980; nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

- Ông Ngô Quốc C, sinh năm 1983; nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tối ngày 27/7/2024, Nguyễn Thành L, điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 73P1-1398 đến thị xã B chơi. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày thì L nảy sinh đi ý định đến Bệnh viện Đ thuộc tổ dân phố M, phường Q, thị xã B để trộm cắp tài sản. Khi đến, L dừng xe trước cổng phụ (cổng số 2) của Bệnh viện rồi đi bộ vào trong dãy toà nhà 03 tầng cũ của Bệnh viện và đi dọc các khoa, phòng tìm kiếm

bệnh nhân và người nhà bệnh nhân sơ hở để trộm cắp tài sản. L đi đến Khoa Y học cổ truyền của Bệnh viện thì thấy phòng điều trị bệnh nhân số 7 đã tắt điện, bên trong có nhiều người đang nằm ngủ say, ở sát góc tường phía sau có 02 giường bệnh cạnh nhau, gồm giường bệnh của bà Phan Thị N và giường bệnh của bà Trần Thị Hồng M. Quan sát thấy trên cả 02 giường đều có đặt máy điện thoại ở cuối giường, người trên giường đều đã ngủ nên L đi đến lấy trộm 01 máy điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A16K của bà Nguyệt và lấy trộm 01 máy điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung Galaxy A13 A135 của bà M rồi rời khỏi Bệnh viện. Trên đường đi về, L dừng lại ven đường, tháo thẻ sim ở các máy điện thoại vừa lấy trộm được ra vứt xuống lề đường và tắt nguồn của điện thoại. Sau đó, L điều khiển xe đi đến phòng trọ của anh Nguyễn Danh H ở khu phố 6, phường B, thị xã B và ngủ nhờ tại đây. Đến khoảng 08 giờ 30 phút ngày 28/7/2024, L lấy 02 máy điện thoại đã lấy trộm trước đó đi đến cửa hàng mua bán, sửa chữa điện thoại “Lộc Đại Phát” ở khu phố 1, phường B, thị xã B do Nguyễn Văn T làm chủ rồi bán 02 máy điện thoại trên cho T với giá 1.500.000 đồng. Số tiền trên, L sử dụng tiêu xài cá nhân hết. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 13/KL-HĐĐGTS ngày 07 tháng 8 năm 2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thị xã B, kết luận: máy điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A16K, vỏ màu xanh tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá 1.200.000 đồng; máy điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung Galaxy A13 A135, vỏ màu đen tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá 2.100.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 3.300.000 đồng.

Ngoài hành vi trộm cắp tài sản trên, L còn khai nhận thực hiện thêm 01 vụ trộm cắp tài sản khác tại Bệnh viện Đ vào ngày 04/8/2024, cụ thể: Vào trưa ngày 04/8/2024, L điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 73P1-1398 đi từ nhà ở của mình đến thị xã B chơi. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, L điều khiển xe mô tô đi đến và dựng xe trước cổng phụ (cổng số 2) của Bệnh viện rồi đi bộ vào bên trong dãy nhà 3 tầng cũ rồi theo cầu thang đi lên tầng 3 vào một dãy phòng Bệnh của khoa Nội tổng hợp. Khi L đi đến trước phòng bệnh số 2 ở bên trái hành lang thì nhìn thấy cửa không khoá, bên trong có nhiều người bệnh đang nằm ngủ, ở trên đầu giường bệnh của ông Hoàng Trọng M đang ngủ có 01 máy điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Note 8. L đi đến lấy trộm máy điện thoại trên bỏ vào túi quần rồi rời khỏi phòng. L tiếp tục đi đến khoa Y học cổ truyền cũng ở tầng 3 của toà nhà trên thì nhìn thấy ở phía đầu giường, sát cửa ra vào có 01 máy điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A17k của ông Phạm Ngọc T. Quan sát thấy bên trong phòng không có ai, L đi đến lấy trộm máy điện thoại di động trên rồi đi theo hành lang đến khoa Nhi của Bệnh viện để tiếp tục trộm cắp tài sản. Khi đến trước phòng bệnh số 3 của Khoa Nhi, L nhìn thấy bên trong mọi người đang ngủ, ở trên giường bệnh nằm sát cửa ra vào có 01 máy điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy

Note20 Ultra, vỏ màu đen của chị Vũ Thị C để ở đầu giường. L đi vào lấy trộm máy điện thoại trên bỏ vào túi quần rồi rời khỏi phòng bệnh.

Sau khi lấy trộm được 03 máy điện thoại di động trên, L đi ra cổng phụ Bệnh viện, lấy xe mô tô rồi đi tìm nơi tiêu thụ tài sản. Trên đường đi đến chợ B, khi đi qua đài tưởng niệm liệt sỹ khoảng 50m thì L dừng lại bên đường và tháo thẻ sim của 03 điện thoại đã lấy trộm ra (mỗi máy 01 sim) vứt xuống đường rồi tắt nguồn các máy điện thoại di động trên và tiếp tục đi tìm nơi để tiêu thụ. L điều khiển xe mô tô đi đến cửa hàng điện thoại di động “Lộc Đại Phát” ở khu phố 1, phường B, thị xã B rồi gặp Nguyễn Văn T thì L lấy ra máy điện thoại Samsung Galaxy Note20 Ultra đưa cho T xem và hỏi bán máy điện thoại trên. T cầm và khởi động máy lên xem thì phát hiện ra máy điện thoại trên là của vợ T (chị Vũ Thị C) nên nói với L “máy của vợ em, anh lấy ở đâu” thì L trả lời “em lấy ở khoa Nhi”. T hiểu L đã trộm cắp điện thoại trên của vợ mình nên thu hồi lại máy và cất vào túi quần. L đồng ý để T lấy lại máy rồi rời khỏi quán. Một lúc sau, L quay lại quán gặp T và lấy máy điện thoại Samsung Galaxy Note 8, vỏ màu xám đen đưa cho T xem để bán thì T hỏi “máy ni cũng ăn trộm trong bệnh viện ra à” thì L trả lời “dạ”. L bán điện thoại trên cho T với giá 500.000 đồng rồi nhận tiền và rời đi. L tiếp tục điều khiển xe mô tô đi đến cửa hàng điện thoại “Thao Lực” ở chợ B, thuộc khu phố 1, phường B, thị xã B rồi gặp anh Nguyễn Văn P sinh năm 1990, trú tại thôn P, xã Q, huyện Q là nhân viên sửa chữa của quán. L lấy máy điện thoại nhãn hiệu OPPO A17k ra và bán cho anh P với số tiền 1.200.000 đồng. Toàn bộ số tiền bán máy điện thoại trên, L đã sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 18/KL-HĐĐGTS ngày 19/9/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã B, kết luận: máy điện thoại Samsung Galaxy Note 8, vỏ màu xám đen, mặt lưng làm bằng kính đã bị nứt vỡ tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá 1.200.000 đồng; máy điện thoại nhãn hiệu OPPO A17k, vỏ màu vàng tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá 1.500.000 đồng; 01 máy điện thoại Samsung Galaxy Note20 Ultra tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 5.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà L chiếm đoạt trong ngày 4/8/2024 là 7.700.000 đồng.

Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B, đã thu giữ gồm: 01 máy điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung Galaxy Note 8, số IMEI: 358333080997268, vỏ màu xám đen, mặt kính phía sau bị nứt vỡ, đã qua sử dụng do bị cáo Nguyễn Văn T tự nguyện giao nộp; 01 máy điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, loại CPH2471-A17k, số IMEI: 866155068006019, vỏ màu vàng, đã qua sử dụng do anh Nguyễn Văn P tự nguyện giao nộp; 01 máy điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Note20 Ultra, loại 256GB, số IMEI 1: 352682504062489, số IMEI 2: 359646204062480, vỏ màu đen, đã qua sử dụng do chị Vũ Thị C tự nguyện giao nộp; 01 xe mô tô, nhãn hiệu YAMAHA TAURUS SR, sơn màu đen, biển

kiểm soát 73P1-1398, đã qua sử dụng do bị cáo Nguyễn Thành L tự nguyện giao nộp; tiền Việt Nam đồng: 2.400.000 đồng (Trong đó bị cáo L tự nguyện giao nộp số tiền là 500.000 đồng. Đây là số tiền mà L bán máy điện thoại di động đã lấy trộm được của ông Hoàng Trọng M cho bị cáo T vào ngày 04/8/2024; còn lại số tiền 1.900.000 đồng là do bị cáo T tự nguyện giao nộp, đây là số tiền chênh lệch có được từ việc bán 02 máy điện thoại di động mua được từ Nguyễn Thành L vào ngày 28/7/2024 và đã bán lại cho người khác kiếm lời).

Quá trình điều tra xác định được 03 máy điện thoại trên là của các bị hại nên Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 514 ngày 27/9/2024 trả lại cho ông Hoàng Trọng M 01 máy điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung Galaxy Note 8; trả lại cho ông Phạm Ngọc T 01 máy điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, CPH2471-A17k và trả lại cho chị Vũ Thị C 01 máy điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Note20 Ultra.

Về dân sự: Các bị hại ông Hoàng Trọng M, ông Phạm Ngọc T và chị Vũ Thị C đã nhận lại được tài sản bị mất trộm nên không yêu cầu bồi thường gì thêm. Gia đình bị cáo L đã bồi thường cho các bị hại bà Trần Thị Hồng M số tiền 2.100.000 đồng; bà Phan Thị N số tiền 1.200.000 đồng và bồi hoàn cho người liên quan anh Nguyễn Văn P số tiền 1.200.000 đồng. Các bên liên quan không có yêu cầu gì thêm về dân sự trong vụ án.

Liên quan trong vụ án, có Nguyễn Văn T trước đó đã mua lại 02 máy điện thoại di động từ Nguyễn Thành L đã trộm cắp của bà N và bà M vào ngày 27/7/2024. Tuy nhiên, T không biết đó là tài sản do L phạm tội mà có, chỉ đến khi T mua máy điện thoại di động từ L vào ngày 04/8/2024 thì T mới biết đó là tài sản do L trộm cắp mà có. Đối với anh Nguyễn Văn P đã mua lại từ L 01 máy điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A17k vào ngày 04/8/2024, nhưng anh P không biết đó là tài sản do phạm tội mà có và anh Nguyễn Danh H đã cho bị cáo L ngủ nhờ vào đêm 27/7/2024, nhưng anh H không biết về hành vi phạm tội của L nên Cơ quan CSĐT Công an thị xã B nhắc nhở, giáo dục chung đối với anh P và anh H là phù hợp.

Tại bản Cáo trạng 47/CT - VKSBD ngày 19 tháng 11 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã B đã truy tố bị cáo Nguyễn Thành L về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành L phạm tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; điểm g, i khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thành L từ 18 đến 21 tháng tù; áp dụng khoản 1 Điều 323, các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ

Tại phiên Tòa các bị cáo nhất trí với tội danh và khung hình phạt mà Viện kiểm sát đã truy tố, không tham gia tranh luận thêm.

Lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo, bị hại và người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án cũng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn đã truy tố đối với các bị cáo. Như vậy, đã đủ cơ sở để khẳng định từ ngày 27/7/2024 đến ngày 04/8/2024, bị cáo Nguyễn Thành L đã lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của bị hại, hai lần lén lút đột nhập vào Bệnh viện Đ lấy trộm 05 máy điện thoại di động, gây thiệt hại về tài sản với tổng trị giá là 11.000.000 đồng. Ngày 04/8/2024, Nguyễn Văn T, mặc dù biết máy điện thoại di động Samsung Galaxy Note 8 là do L lấy trộm được đưa đi bán nhưng vì háms lợi nên đã mua lại với giá 500.000 đồng, sau đó thì bị lực lượng Công an thị xã B, phát hiện và thu giữ. Hành vi của bị cáo Nguyễn Thành L đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vai trò và nhân thân của các bị cáo:

Các bị cáo là người đã trưởng thành, có sức khỏe, có đầy đủ năng lực hành vi, có khả năng để nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Hành vi của các bị cáo mang tính chất nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an của địa phương. Vì vậy, cần xét xử nghiêm để giáo dục, cải tạo và phòng ngừa chung.

Trong vụ án này, các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ từ trước, khi L nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nên một mình đi tìm địa điểm sơ hở để trộm cắp tài sản, sau khi trộm được tài sản L mới tìm nơi để tiêu thụ tài sản nên L phải chịu trách nhiệm chính về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo L có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị Tòa án nhân dân các cấp xét xử và áp dụng hình phạt tù nhưng sau khi chấp hành xong hình phạt tù, bị cáo không lấy đó làm bài học kinh nghiệm để tự tu dưỡng rèn luyện mình trở thành người có ích cho gia đình và xã hội mà ngược lại bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo L thể hiện sự liều lĩnh, ý thức coi thường pháp luật. Vì vậy, cần phải áp dụng các quy định của Bộ luật Hình sự để xử phạt nghiêm khắc nhằm mục đích răn đe, giáo dục ý thức chấp hành pháp luật đối với bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung đối với các đối tượng khác.

Đối với bị cáo T mặc dù không tham gia trộm cắp tài sản cùng với L nhưng hành vi của T đã tạo điều kiện, tiếp tay cho L trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, T phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình sau L

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Thành L đã “Phạm tội 02 lần trở lên”; “Phạm tội đối với người đủ 70 tuổi trở lên” quy định tại các điểm g, i khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Thành L được áp dụng tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại”, “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” và các bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo L, được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Văn T được áp dụng tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội tự nguyện khắc phục hậu quả”, “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” và “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, được quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, xét thấy, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo Nguyễn

Thành L ra ngoài xã hội thêm một thời gian nhất định để bị cáo tiếp tục tu dưỡng và rèn luyện bản thân. Đối với bị cáo Nguyễn Văn T mới phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo không có tiền án tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo tốt nên xét thấy chưa cần thiết phải áp dụng hình phạt tù để cách ly bị cáo ra ngoài xã hội mà cần áp dụng Điều 36 Bộ luật Hình sự để cho bị cáo được học tập cải tạo tại địa phương là cũng đủ nghiêm và phù hợp với chính sách nhân đạo của pháp luật nhà nước ta. Bị cáo T có nghề nghiệp nhưng thu nhập không ổn định nên không áp dụng biện pháp khấu trừ một phần thu nhập của bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt.

[6] Về xử vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B thu giữ và trả lại tài sản cho bị hại. Xét thấy việc thu giữ và trả lại vật chứng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B là đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, bị hại vắng mặt nhưng quá trình điều tra không có yêu cầu gì nên không xem xét.

Đối với 01 xe mô tô, nhãn hiệu nhãn hiệu YAMAHA TAURUS SR, sơn màu đen, biển kiểm soát 73P1-1398, đã qua sử dụng là tài sản chung của vợ chồng bị cáo, Nguyễn Thành L đã sử dụng để đi đến Bệnh viện nhưng không liên quan đến việc phạm tội. Vì vậy, cần căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, trả lại cho bị cáo Nguyễn Thành L và chị Cao Thị Đ là phù hợp

Đối với số tiền 2.400.000 đồng tại bản gốc phiếu ủy nhiệm chi do Công an thị xã B chuyển đến tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B mở tại Kho bạc Nhà nước thị xã B, là tiền do phạm tội mà có. Vì vậy, cần căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, tịch thu nộp ngân sách nhà nước là phù hợp

[7] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại ông Hoàng Trọng M, ông Phạm Ngọc T và chị Vũ Thị C đã nhận lại tài sản bị mất trộm; gia đình bị cáo L đã bồi thường cho các bị hại bà Trần Thị Hồng M số tiền 2.100.000 đồng, bà Phan Thị N số tiền 1.200.000 đồng và hoàn trả cho người liên quan anh Nguyễn Văn P số tiền 1.200.000 đồng. Tại phiên tòa, các bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng quá trình điều tra không có ai có yêu cầu gì nên không xem xét.

[8] Về án phí: Xử buộc các bị cáo Nguyễn Thành L, Nguyễn Văn T phải nộp mỗi bị cáo 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

[9] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; các điểm g, i khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự (đối với bị cáo Nguyễn Thành L)

Căn cứ vào khoản 1 Điều 323; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự (đối với bị cáo Nguyễn Văn T)

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, khoản 1 và khoản 4 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành L phạm tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”

2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành L 21 (hai mươi một) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bắt tạm giam (07/8/2024)

Tuyên bố tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Thành L 45 (*Bốn mươi lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm theo quyết định tạm giam bị cáo tại phiên tòa để đảm bảo công tác thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 09 tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an thị xã B nhận được Quyết định thi hành án

Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình phối hợp cùng gia đình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt

3. Về xử lý vật chứng: Trả lại 01 xe mô tô, nhãn hiệu nhãn hiệu YAMAHA TAURUS SR, sơn màu đen, biển kiểm soát 73P1-1398, đã qua sử dụng cho bị cáo Nguyễn Thành L và chị Cao Thị Đ

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 2.400.000 đồng tại bản gốc phiếu ủy nhiệm chi, hiện đang nằm trong tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B mở tại Kho bạc Nhà nước thị xã B

4. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét.

5. Về án phí: Xử buộc các bị cáo Nguyễn Thành L, Nguyễn Văn T phải nộp mỗi bị cáo 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp vào ngân sách Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (đối với người có mặt) hoặc trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án theo quy định của pháp luật (đối với người vắng mặt).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B;
- Công an thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Bị cáo; những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA;
- THA hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Tưởng Thị Hà